

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẤT ĐỎ  
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2020/DS-ST  
Ngày: 10-12-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng góp vốn.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Bà Châu Nguyễn Xuân Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Hà

Bà Nguyễn Thị Thương

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Hoàn -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 10-12-2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 112/2020/TLST-**DS** ngày 11/8/2020 về tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng góp vốn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐXXST-DS ngày 21/10/2020 giữa các đương sự:

**1.Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Thành Tr, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp 1i, xã 2, huyện 3, tỉnh 4 (Có mặt)

**2.Bị đơn:** Ông Trần Công L, sinh năm 1982; bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp 1i, xã 2, huyện 3, tỉnh 4 (Ông L vắng mặt, bà H có mặt).

**3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Mai Thị Đ, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp 1i, xã 2, huyện 3, tỉnh 4 (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**-Tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải có sở, bản khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và diễn biến tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:** Vào ngày 10/5/2019 vợ chồng ông Tr bà Đ có thỏa thuận góp vốn làm ăn với ông L bà H số tiền 200.000.000 đồng để mua dụng cụ đánh bắt hải sản, sau mỗi lần thu hoạch

nếu có lời thì chia như phần của người bạn đi biển, thỏa thuận thời hạn thực hiện hợp đồng là 12 tháng, Trong quá trình thực hiện hợp đồng chưa đúng thời hạn thì ông L bán toàn bộ đồ nghề đánh bắt hải sản, ghe không còn đi biển, ông Tr bà Đ có yêu cầu ông L bà H thanh toán lại tiền đã góp, ông L bà H đã thanh toán được 140.000.000 đồng, còn nợ ông Tr bà Đ là 60.000.000 đồng, ông L bà H hẹn đến 10/7/2020 sẽ trả đủ. Đến hạn ông L bà H không trả, nay ông Trung yêu cầu ông L bà H phải trả lại cho ông Tr bà Đ số tiền 60.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

**-Bị đơn bà Huỳnh Thị H trình bày:** Tại bản khai và biên bản hòa giải ngày 21/10/2020, bà H cho rằng chồng bà H là ông Trần Công L bận đi làm nên không đến Tòa án được. Bà H thừa nhận vợ chồng bà H có nhận góp vốn 200.000.000đ của ông Tr bà Đ như lời trình bày của ông Trung. Vợ chồng bà H đã trả ông Tr bà Đ là 140.000.000đ, còn nợ lại 60.000.000 đồng do không có tiền để trả. **Bà H thừa nhận bà H và ông Trần Công L còn nợ ông Nguyễn Thành Tr và bà Mai Thị Đ số tiền 60.000.000đ, bà H và ông L chưa có tiền trả ngay mà bà H và ông L xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi hết số nợ 60.000.000 đồng.**

**-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Đ trình bày:** Số tiền góp vốn là tiền chung vợ chồng bà Đ ông Tr nên bà Đ đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn là buộc bà H ông L phải trả cho bà Đ ông Tr số tiền 60.000.000 đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu:

**Về tố tụng:** Việc Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án này đúng theo những quy định của BLTTDS.

**Về nội dung:** Yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. **Về thẩm quyền giải quyết:** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời thừa nhận của bị đơn, bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã L, huyện Đất Đỏ, căn cứ điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS) vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ.

[2] *Về tố tụng*: Bị đơn ông Trần Công L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3].*Về quan hệ pháp luật*: Xuất phát từ giao dịch góp vốn với nhau nên khi thụ lý Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng góp vốn”; căn cứ **khoản 3 Điều 26** BLTTDS, HĐXX xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng góp vốn”.

[4].*Về áp dụng pháp luật*: Ông Tr và ông L bà H ký hợp đồng góp vốn là thời điểm Bộ luật Dân sự (viết tắt là BLDS) 2015 nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 688 và các quy định khác của BLDS 2015 để giải quyết vụ án.

[5].*Về yêu cầu khởi kiện*: Tại phiên tòa ông Tr yêu cầu Tòa án buộc ông L bà H phải trả lại cho ông Tr và bà Đ số tiền 60.000.000 đồng. Xét thấy bà H đã thừa nhận ngày 10/5/2019 ông Nguyễn Thành Tr, bà Mai Thị Đ và ông Trần Công L bà Huỳnh Thị H có ký hợp đồng góp vốn với nhau, theo đó ông Tr bà Đ góp cho ông L bà H số tiền là 200.000.000 đồng, để ông L bà H mua dụng cụ đánh bắt hải sản, sau mỗi lần thu hoạch có lời thì chia, thời hạn hợp đồng là 12 tháng. Tuy nhiên, chưa đến hạn hợp đồng nhưng ông L bà H đã bán toàn bộ đồ nghề đánh bắt hải sản, nên ông L bà H có lỗi trong việc hợp tác với ông Tr bà Đ về việc góp vốn mua dụng cụ đánh bắt hải sản. Do vậy ông L bà H đã trả cho ông Tr bà Đ số tiền là 140.000.000 đồng, số tiền còn lại là 60.000.000 đồng bà H đồng ý ông L bà H sẽ trả cho ông Tr bà Đ, nhưng do chưa có khả năng trả một lần nên bà H ông L xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng. Việc bà H xin trả dần mỗi tháng là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Tr buộc ông L bà H phải trả số tiền 60.000.000 đồng cho ông Tr bà Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 507 Bộ luật dân sự.

[6].*Về tài liệu, chứng cứ*: Hội đồng xét xử xác định những tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp, lời thừa nhận của các bên đương sự và tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được để xem xét, giải quyết có trong hồ sơ vụ án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại các Điều 92, 93, 94, 95, 96 BLTTDS là chứng cứ của vụ án.

[7].*Về phát biểu của Kiểm sát viên*: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên ghi nhận.

[8].*Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do có trách nhiệm trả tiền nên bà H ông L phải chịu án phí dân sự có giá ngạch được quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm b

tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là 3.000.000 đồng (60.000.000 đồng x 5%).

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

[9]. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo Điều 273 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 507, 688 Bộ luật Dân sự;
- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, các Điều 92, 93, 94, 95, 96, 144, 266, 271, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành Tr.

Buộc ông Trần Công L và bà Huỳnh Thị H phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thành Tr và bà Mai Thị Đ số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

-Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Công L và bà Huỳnh Thị H phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho **ông Nguyễn Thành Tr** là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0000895 ngày 05/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/12/2020), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Nguyễn Xuân Thu**